

Bản án số: 147 /2022 /DS-PT

Ngày: 30-12- 2022

*Về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:**

+ *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Văn Cường,

+ *Các thẩm phán:* Ông Vũ Đức Hùng, ông Trần P Hiệu

**- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** bà Cao Thị Mai, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:** Ông Đinh Văn Lai, Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 115/2022/TLPT-DS ngày 16 tháng 11 năm 2022, về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2022/DS-ST, ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 180/2022/QĐ- PT, ngày 14/12/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1963;

Nơi cư trú: Số 44 đường T, tổ 5, khu phố 1, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bình Thuận. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**Bị đơn:** Bà Bùi Thị Xuân H, sinh năm 1955;

Nơi cư trú: Tổ 3, thôn 6, xã T, huyện L, tỉnh Bình Thuận. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Phạm Thị H, sinh năm 1977;

Nơi cư trú: Số 44 đường T, tổ 5, khu phố 1, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt.

2. Ông Lê Chí V, sinh năm 1989; Địa chỉ: Số nhà 26 đường số 7, Tổ 3, thôn 6, xã T, huyện L, tỉnh Bình Thuận. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/6/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Ph trình bày:**

Vợ chồng ông và vợ chồng ông Lê Chí T, bà Bùi Thị Xuân H có quen biết nhau từ trước. Bà H có liên hệ với ông để yêu cầu vay tiền nên vợ chồng ông cho bà H vay số tiền 30.000.000 đồng, mục đích để đưa cho con trai là ông Lê Chí V đi trả nợ. Ông Lê Chí V là người viết giấy mượn tiền và ký tên làm chứng, bà H là người ký tên mượn số tiền 30.000.000 đồng, ngày vay là 25/3/2022. Trong giấy có ghi thời gian 03 tháng kể từ ngày 25/3/2022 đến ngày 25/6/2022, bà H phải trả số tiền trên cho ông. Do ông không mang tiền theo nên bà H nói ông Việt theo ông về nhà ông lấy tiền; sau đó, ông đã giao đủ số tiền 30.000.000 đồng cho ông Việt nhận. Mặc dù trong giấy không thỏa thuận về lãi suất, nhưng hai bên thỏa thuận miệng lãi suất cho vay là 3%/tháng.

Ngày 30/4/2022, bà H trả cho ông tiền lãi tháng 4/2022 được 900.000 đồng. Đầu tháng 6/2022, ông tới nhà thì bà H trả được 500.000 đồng tiền lãi tháng 5/2022 và hẹn từ từ sẽ trả tiền cho ông. Sau đó, bà H không trả nợ mà còn thách thức ông đi kiện.

Ông xác định số tiền mượn này do 01 mình bà H ký mượn nên không liên quan gì đến ông Lê Chí T, do đó ông không yêu cầu đưa ông T vào tham gia vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

\* Tại bản tự khai ngày 25/7/2022, ông P xác định về lãi suất:

- Lãi suất tháng 4/2022: Số tiền lãi là 900.000 đồng, tương đương với mức lãi suất 3%/tháng là vượt quá so với mức lãi suất nhà nước quy định cho vay là 1,66%/tháng. Do đó, ông đồng ý trừ số tiền vượt quá vào số tiền gốc. Số tiền vượt quá là: 900.000 đồng – (30.000.000 đồng x 1,66%/tháng) = 900.000 đồng – 498.000 đồng = 402.000 đồng.

- Lãi suất tháng 5/2022: Số tiền là 500.000 đồng, vượt quá so với mức lãi suất nhà nước quy định cho vay là 1,66%/tháng. Do đó, ông đồng ý trừ số tiền vượt quá vào số tiền nợ gốc. Số tiền vượt quá là: 500.000 đồng – (30.000.000 đồng x 1,66%/tháng) = 500.000 đồng – 498.000 đồng = 2.000 đồng.

Như vậy, lãi suất vượt quá đã đóng 02 tháng là 402.000 đồng + 2.000 đồng = 404.000 đồng.

Trừ số tiền này vào tiền gốc thì tiền gốc còn: 30.000.000 đồng – 404.000 đồng = 29.596.000 đồng.

Yêu cầu buộc bà Bùi Thị Xuân H phải thanh toán cho vợ chồng ông số tiền 30.585.000 đồng (Ba mươi triệu năm trăm tám mươi lăm nghìn đồng), trong đó gồm: Tiền gốc 29.596.000 đồng (hai mươi chín triệu năm trăm chín mươi sáu nghìn đồng); Tiền lãi tháng 6/2022 theo mức lãi suất 1,66%/tháng trên số tiền gốc 30.000.000 đồng là 498.000 đồng; Tiền lãi tạm tính từ ngày 26/6/2022 đến ngày 25/7/2022 là 01 tháng: 1,66%/tháng x 29.596.000 đồng x 01 tháng = 491.000 đồng.

\* Tại bản trình bày ý kiến ngày 25/8/2022 và tại phiên tòa, ông P trình bày:

Tiền lãi tháng 4/2022 (25/3/2022 đến 25/4/2022) bà H phải trả cho ông tãi đa theo quy định là:  $30.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} (20\%/12 \text{ tháng}) = 498.000 \text{ đồng}$ . Số tiền lãi đã trả vượt quá quy định là:  $900.000 \text{ đồng} - 498.000 \text{ đồng} = 402.000 \text{ đồng}$ .

Tiền lãi tháng 5/2022 (26/4/2022 đến 25/5/2022) bà H phải trả cho ông tãi đa theo quy định:  $(30.000.000 \text{ đồng} - 402.000 \text{ đồng}) \times 1,66\%/\text{tháng} (20\%/12 \text{ tháng}) = 491.327 \text{ đồng}$ . Số tiền lãi đã trả vượt quá quy định là:  $500.000 \text{ đồng} - 491.327 \text{ đồng} = 8.673 \text{ đồng}$ .

Tiền gốc còn lại sau khi trừ số tiền lãi đã trả vượt quá mức lãi suất do nhà nước quy định là:  $30.000.000 \text{ đồng} - (402.000 \text{ đồng} + 8.673 \text{ đồng}) = 29.589.327 \text{ đồng}$ , làm tròn là 29.589.000 đồng. Như vậy, ông P yêu cầu bà H trả tiền gốc 29.589.000 đồng

Ông yêu cầu buộc bà Bùi Thị Xuân H phải thanh toán cho vợ chồng ông số tiền 31.062.000 đồng (Ba mươi một triệu không trăm sáu mươi hai nghìn đồng), trong đó gồm: Tiền gốc 29.589.000 đồng (hai mươi chín triệu năm trăm tám mươi chín nghìn đồng); Tiền lãi yêu cầu tính như sau: tính lãi mức 1,66%/tháng trên số tiền gốc 29.589.000 đồng từ ngày 26/5/2022 đến ngày xét xử là ngày 25/8/2022 (03 tháng):  $29.589.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 3 \text{ tháng} = 1.473.532 \text{ đồng}$ , làm tròn là 1.473.000 đồng.

**Bị đơn bà Bùi Thị Xuân H trình bày:** Bà và vợ chồng ông Nguyễn Văn Ph, bà Phạm Thị H có quen biết nhau từ trước. Con trai bà là Lê Chí V, sinh năm 1989, hộ khẩu thường trú: Tổ 3, thôn 6, xã T, huyện L, tỉnh Bình Thuận. Vì làm ăn bị thua lỗ nên nhờ bà đứng ra vay giúp cho ông Việt. Ông Việt có liên hệ được với ông P nên ông P đến nhà bà nói bà đứng ra vay tiền thì ông P mới cho vay, vì Việt hiện nay không có tài sản gì đảm bảo nên ông P không dám cho vay, nên bà đồng ý. Giữa hai bên có viết giấy mượn tiền trong đó bà là người ký tên người vay số tiền 30.000.000 đồng, ngày vay là 25/3/2022. Bà nhớ trong giấy không ghi thời gian trả, giấy không ghi lãi suất; Lê Chí V ký tên người làm chứng. Do ông P không mang tiền theo đến nhà bà mà cầm giấy đi về nên Việt đi theo ông P về nhà ông P. Sau đó, bà nghe Việt nói đã nhận 30.000.000 đồng từ ông P, bà không có ý kiến gì về việc ông P đưa tiền cho Việt. Ngày 30/4/2022, ông Lê Chí V trả cho ông P 900.000 đồng tiền lãi của tháng 4/2022; tháng 6/2022 bà trả cho ông P 500.000 đồng tiền lãi tháng 5/2022 và hẹn từ từ Việt trả tiền cho ông P. Sau đó, ông P nhiều lần đến đòi tiền, bà có nói bà không nhận tiền chỉ ký giấy mượn sao ông P đến đòi hoài, ông P muốn lấy tiền thì đi kiện.

Số tiền mượn này không liên quan gì đến chồng bà là ông Lê Chí T.

Nay ông Nguyễn Văn Ph khởi kiện yêu cầu bà trả nợ, bà không đồng ý. Ông Việt là người nhận số tiền này nên ông Việt phải có trách nhiệm trả cho ông P, bà Hồng.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Chí V trình bày:**

Ông thống nhất với lời khai của bà H về việc vay mượn tiền của ông P, cũng như đồng ý trả nợ cho ông P. Số tiền này không liên quan gì đến vợ ông, là

do ông yêu cầu bà H ký giấy mượn cho cá nhân ông.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị H trình bày:** Bà là vợ của ông Nguyễn Văn Ph. Bà thống nhất với lời trình bày của ông P. Số tiền cho bà Bùi Thị Xuân H vay là tài sản chung của vợ chồng. Bà thống nhất với ông P yêu cầu bà Bùi Thị Xuân H phải thanh toán nợ cho vợ chồng bà.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2022/DS-ST, ngày 25 tháng 8 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện Đức Linh đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 92, 144, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Ph đối với bị đơn bà Bùi Thị Xuân H về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Bùi Thị Xuân H có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Văn Ph, bà Phạm Thị H số tiền 31.062.000 đồng (Ba mươi một triệu không trăm sáu mươi hai nghìn đồng), trong đó nợ gốc 29.589.000 đồng (Hai mươi chín triệu năm trăm tám mươi chín nghìn đồng), nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 25/8/2022 là 1.473.000 đồng (Một triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 1,66%/tháng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Bùi Thị Xuân H phải chịu 1.553.000 đồng (Một triệu năm trăm năm mươi ba nghìn đồng).

- Trả lại cho ông Nguyễn Văn Ph toàn bộ số tiền tạm ứng án phí 774.000 đồng (Bảy trăm bảy mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0012305 ngày 04 tháng 7 năm 2022 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 31/10/2022, bà Bùi Thị Xuân H kháng cáo cho rằng bà chỉ là người đứng ra vay tiền dùm/hộ cho Lê Chí V là con bà, nên bà đề nghị buộc Việt trả nợ cho vợ chồng ông P.

**Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Ông Lê Chí V đề nghị xét xử vắng mặt các đương sự.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận phát biểu ý kiến: Bà Bùi Thị Xuân H kháng cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự. Về nội dung: Bà Bùi Thị Xuân H kháng cáo cho rằng ông Lê Chí V là người vay tiền của ông Nguyễn Văn Ph, nhưng bà H không đưa ra được chứng cứ chứng minh, nên Tòa án huyện Đức Linh xử buộc bà H phải trả nợ cho vợ chồng ông P là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, nên đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm. Do kháng cáo không được chấp nhận, nên bà H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của bà Bùi Thị Xuân H, hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Ngày 25/3/2022, bà Bùi Thị Xuân H có ký ‘Giấy mượn tiền’, theo đó bà H có vay của ông Nguyễn Văn Ph 30 triệu đồng, thời hạn vay 03 tháng, kể từ ngày 25/3/2022 đến 25/6/2022; ký tên người làm chứng là ông Lê Chí V.

[2.2] Do đến hạn, bà Bùi Thị Xuân H không trả được nợ, nên ngày 27/6/2022, ông Nguyễn Văn Ph đã làm đơn khởi kiện yêu cầu bà Bùi Thị Xuân H phải trả nợ gốc và lãi theo quy định.

[2.3] Bà Bùi Thị Xuân H kháng cáo cho rằng Lê Chí V là người vay tiền của ông Nguyễn Văn Ph, nhưng bà H không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình. Trong khi lời khai này của bà H không được ông P thừa nhận, ông P cho rằng ông cho bà Bùi Thị Xuân H vay tiền, chứ không cho Việt vay.

[2.4] Tòa án cấp sơ thẩm, sau khi trừ tiền lãi vượt quá quy định vào nợ gốc, còn lại 29.589.000 đồng nợ gốc và buộc bà H phải trả cho vợ chồng ông P cùng lãi suất, là có căn cứ.

[3] Bản án sơ thẩm vì vậy được giữ nguyên như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tại phiên tòa phúc thẩm.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận, nên bà Bùi Thị Xuân H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

*Bởi các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Bùi Thị Xuân H, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2022/DS-ST, ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Ph đối với bị đơn bà Bùi Thị Xuân H về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

- Buộc bà Bùi Thị Xuân H có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Văn Ph, bà Phạm Thị H số tiền 31.062.000 đồng (Ba mươi một triệu không trăm sáu mươi hai nghìn đồng), trong đó nợ gốc 29.589.000 đồng (Hai mươi chín triệu năm trăm tám mươi chín nghìn đồng), nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 25/8/2022 là 1.473.000 đồng (Một triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 1,66%/tháng.

- Bà Bùi Thị Xuân H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0012512, ngày 20/10/2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, bà H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 30/12/2022.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

#### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Chi cục THADS huyện Đức Linh;
- TAND huyện Đức Linh;
- Những người tham gia tố tụng (theo địa chỉ);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Cổng thông tin điện tử TABT;
- Tổ HCTP –TABT;
- Lưu hồ sơ.

**Đặng Văn Cường**